



**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

-----

**Vũ Thị Minh Thắng**

**VẤN ĐỀ NHÀ NƯỚC THỂ TỤC Ở VIỆT NAM  
TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI ĐƯỜNG LỐI,  
CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO**

**Chuyên ngành: Chính trị học**

**Mã số: 62 31 02 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC**

**Hà Nội – 2021**

*Công trình được hoàn thành tại:*  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**Người hướng dẫn khoa học:** GS.TS. Đỗ Quang Hưng

**Phản biện 1:** GS.TS. Nguyễn Đăng Dung

**Phản biện 2:** TS. Bùi Thanh Hà

**Phản biện 3:** GS.TS. Dương Xuân Ngọc

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp  
ĐHQG

họp tại: Trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN  
vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm 2021

*Có thể tìm hiểu luận án tại:*

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC  
GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Vũ Thị Minh Thắng (2015), “Sự hình thành không gian công ở Việt Nam trước năm 1945: Nghiên cứu dưới góc độ Báo chí học, Chính trị học và Lịch sử”, *Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn - Tiếp cận từ góc độ lý thuyết và thực tiễn* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học cán bộ trẻ và học viên sau đại học năm học 2014-2015), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.298-309.
2. Vũ Thị Minh Thắng, Nguyễn Thị Thúy Hằng (2018), “Phật giáo Phương Tây - Biểu đạt và ảnh hưởng”, *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại* (Kỷ yếu Hội thảo quốc tế), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.467-479.
3. Vũ Thị Minh Thắng (2019), “Về mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị trong thời đại ngày nay”, *Tạp chí Cộng sản* (924), tr.107-111.
4. Nguyen Thi Thuy Hang, Vu Thi Minh Thang, Do Quang Hung (2020), “Ho Chi Minh's thought on religion and religious affairs”, *Ho Chi Minh's Heritage in Vietnam and abroad*, Moscow University Press, Moscow, pp.188-202.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Ở Việt Nam, xét tới quan hệ chính trị-tôn giáo, Nhà nước có đặc điểm là phi-tôn giáo, mác-xít vô thần. Điều này có nghĩa là Nhà nước không dựa vào bất cứ một tôn giáo nào. Đồng thời, Nhà nước đối xử bình đẳng với các tôn giáo. Nguyên lý chỉ đạo có tính chất bao trùm cho một thái độ như vậy là vì khối đại đoàn kết dân tộc. Còn xét cụ thể thì động lực cũng như chủ đích là nhằm đảm bảo quan hệ hài hòa giữa các tôn giáo với nhau, một tinh thần đồng thuận giữa các cộng đồng tôn giáo với toàn thể dân tộc, một sự gắn kết và chia sẻ giá trị dẫn dắt công cuộc phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thêm vào đó, trong quan hệ với các tôn giáo, Nhà nước giữ vai trò bảo hộ pháp lý, tạo điều kiện để các lực lượng tôn giáo vừa thực hiện các nghĩa vụ vừa thụ hưởng quyền lợi chính đáng của họ, cả ở tư cách người theo tôn giáo nói riêng lẫn tư cách công dân nói chung.

Khi so sánh với những địa bàn khác, sự phân tách thế giới chính trị (Nhà nước) và thế giới tôn giáo ở Việt Nam, hay có thể nói là sự chọn lựa mô hình nhà nước thế tục, có những sắc thái riêng nhất định. Quan điểm thế tục, trước khi được định danh theo ngữ nghĩa phổ quát, ra đời trước hết ở Việt Nam như là phản ứng trước những đòi hỏi từ thực tiễn của đất nước. Ngay từ buổi ban đầu của chế độ mới, dưới vai trò lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam, Việt Nam đã chọn lựa một mô hình thế tục có tính thực dụng, và phù hợp hơn cả, theo đó tính đa dạng được đề cao. Các tôn giáo có ảnh hưởng lớn nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Nhà nước, những tôn giáo còn lại được tôn trọng.

Từ 1945 đến khi thời kỳ Đổi mới bắt đầu từ nửa cuối những năm 1980, không phải là không có những giai đoạn lịch sử hay thực tiễn xã hội-chính trị cụ thể mà ở đó quan hệ chính trị-tôn giáo trong hiện thực hoàn toàn đồng nhất với quan hệ lý tưởng và có tính nguyên tắc kể trên. Đã có lúc, tư tưởng vô thần trở nên thái quá khi có sự áp đặt và can thiệp sâu vào các ý thức hệ tôn giáo, và khi một số cộng đồng và tín đồ tôn giáo trở thành đối tượng của sự nghi ngờ từ phía quyền lực nhà nước... Hơn thế nữa, trường lực tôn giáo [champ religieux, religious field]<sup>1</sup> ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới đã có những biến động vô cùng lớn, mở ra nhiều yêu cầu và đòi hỏi mới từ phía các tôn giáo, đồng thời đặt ra nhiều thách thức đối với quản lý nhà nước. Quá trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo ở Việt Nam đã đem lại nhiều thành tựu to lớn, mở ra nhiều cơ hội phát triển và biểu đạt cho các tôn giáo trong đời sống quốc gia. Song cũng trong tiến trình đó, không phải mọi khiếm khuyết đều được giải quyết hoàn tất. Từ phía chủ thể Nhà nước, yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý tôn giáo, đẩy mạnh công tác tôn giáo, nâng cao năng lực giải quyết các xung đột liên quan đến tôn giáo... tiếp tục là những vấn đề nghị sự quan trọng. Còn từ phía bản thân các tôn giáo, khách quan hay chủ quan, thiện chí hay thù địch, có không ít các thực tiễn có thể được viện dẫn như là có thích đáng cho những đề nghị hay yêu sách mới của họ, trong đó nổi bật hơn cả là quyền tự do tôn giáo.

---

<sup>1</sup> Khái niệm champ/field - thường được chuyển ngữ là “trường” - nói chung chỉ một không gian [của các] hoạt động, ví dụ trường kinh tế, trường chính trị, trường tôn giáo, trường truyền thông, trường nghệ thuật. Trong xã hội học, đặc biệt là xã hội học của Pierre Bourdieu và lý thuyết về “trường” của ông, thuật ngữ này - vốn được vay mượn từ vật lý - được gán cho một nghĩa cụ thể, chính xác hơn và một quyền năng mang tính giải thích hơn, thay vì đơn giản là chỉ mang tính miêu tả theo nghĩa rộng kể trên. Tiếp cận xã hội học cho rằng không gian xã hội có thể được xác định qua sự tồn tại của các “trường”; các “trường” này vừa có quan hệ tương tác với nhau, đồng thời mỗi “trường” lại đáp ứng/tuân thủ hệ quy tắc riêng của mình. Xã hội hiện đại - Phương Tây - chịu sự thống trị của các “trường” kinh tế, chính trị và văn hóa; và xoay quanh ba “trường” chính này là một loạt các “trường” khác: học đường, truyền thông, tôn giáo, gia đình... Đối với mỗi hữu thể xã hội, gia nhập một “trường” có nghĩa là bước chân vào một không gian của các quan hệ nơi tồn tại các quy tắc, các luật chơi, các quan hệ sức mạnh... Theo nghĩa đó “trường” được xem như là “trường lực” [champ de force]. Trong luận án này, chúng tôi sử dụng chuyển ngữ “trường lực” cho khái niệm champ/field theo đề xuất của nhà nghiên cứu Nguyễn Phương Ngọc, Đại học Aix-en-Provence, và theo cả hai lớp nghĩa “lĩnh vực hoạt động” nói chung, và không gian tương tác với các quan hệ sức mạnh và qui tắc, luật chơi nói riêng.

Tính “nóng” của các vấn đề lại càng gia tăng khi đặt Việt Nam trong động năng của hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Mối quan hệ giữa Nhà nước và các tôn giáo, xét ở một chừng mực nhất định, không còn đơn thuần đóng khung trong một khuôn khổ chính trị-pháp lý quốc gia nữa. Có nhiều yếu tố mới can thiệp vào quá trình tương tác này: khung luật pháp quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và/hay quốc tế, các thế lực thù địch và phản động ở nước ngoài... Bên cạnh đó, xét ở phương diện nhận thức và lý luận, nhiều gợi ý tiếp cận mới có tác động không nhỏ tới các giới công tác tôn giáo, cán bộ lý luận, nhà nghiên cứu: các mô hình thể tục, lý luận về thể tục và thể tục hóa, chiều kích xuyên quốc gia, quan hệ tôn giáo và phát triển, tác động của toàn cầu hóa...

Từ đó, vấn đề mô hình Nhà nước thể tục ở Việt Nam trở thành không chỉ là một câu hỏi mang tính kỹ thuật, hiểu theo nghĩa là tập hợp các vấn đề thực tiễn cần được giải quyết, mà còn là một đòi hỏi lý luận. Vì thế, chúng tôi quyết định chọn đề tài luận án là “Vấn đề nhà nước thể tục ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo”.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Như tên đề tài phản ánh, luận án quan tâm làm rõ Việt Nam lựa chọn/theo mô hình Nhà nước thể tục nào và đang ở triển khai/Thực hiện nó ra sao trong logic vận động của tiến trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo.

Từ xác định mục đích như trên, các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể bao gồm:

- Tổng hợp phân tích lý thuyết về thể tục, nhà nước thể tục, chính sách tôn giáo, quan hệ chính trị-tôn giáo.

- Xem xét và đề xuất diễn giải về trường lực tôn giáo Việt Nam hiện đại, hiện trạng và xu hướng vận động của các lực lượng tôn giáo theo tinh

thần tôn giáo được xem xét từ phương diện thực tiễn xã hội-chính trị, như là một lực lượng xã hội.

- Dựng lại quá trình vận động đường lối, chính sách tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt kể từ khi sự nghiệp đổi mới đất nước được bắt đầu, làm rõ các nội dung nòng cốt và các mốc điểm có tính chất bước ngoặt của diễn tiến này

- Làm sáng tỏ vấn đề nhà nước thế tục ở Việt Nam, cả ở chiều cạnh lý luận cũng như thực tiễn và qua đó có thể rút ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Vấn đề Nhà nước thế tục ở Việt Nam hiện nay, đối tượng nghiên cứu của luận án, được xem xét đồng thời ở nhiều chiều cạnh: vấn đề lý luận, mô hình lý tưởng và mô hình hiện thực đang trong diễn tiến vận động theo nhịp của tiến trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo.

Về phạm vi nghiên cứu, thời gian được xác định từ Đổi mới (1986), hay chính xác hơn là từ khi có Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo (1990) đến trước thời điểm thi hành Luật tôn giáo, tín ngưỡng (2018); còn không gian tập trung vào địa bàn Việt Nam song cũng có tính đến yếu tố bên ngoài lãnh thổ khi xem xét ảnh hưởng của hiện tượng tôn giáo Việt Nam toàn cầu hóa và tác động của nó tới cảnh quan tôn giáo trong nước.

Bên cạnh việc tập trung xem xét hệ thống văn bản thể hiện đường lối chính sách tôn giáo, các sự kiện xã hội học tôn giáo thì liên quan đến thực tiễn tôn giáo, mẫu quan sát chính được thực hiện phục vụ cho nghiên cứu của luận án gắn với một số hệ phái Tin lành lớn đã được chính thức công nhận.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Hai phương pháp cơ bản được sử dụng trong luận án là phương pháp logic và phương pháp lịch sử, nhằm phân tích, đánh giá các vấn đề không



chỉ trong bối cảnh thực tại mà còn cả trong tính lịch sử của chúng. Chúng tôi cũng chú ý tới phương pháp phân tích văn bản, đặc biệt khi liên quan tới các văn bản pháp lý và văn kiện chính trị về tôn giáo.

Ngoài ra, tiếp cận liên ngành và so sánh cũng được quan tâm. Dù chỉ ở một mức độ khiêm tốn, quá trình nghiên cứu thực hiện luận án đã được hỗ trợ bởi một số phương pháp của xã hội học và nhân học (quan sát tham dự, trò chuyện nhóm, phỏng vấn). So sánh được thực hiện khi xem xét các mô hình thế tục, cũng như bối cảnh tôn giáo Việt Nam đương đại và một số địa bàn khác, để từ đó làm rõ hơn chủ đề nghiên cứu chính của luận án là vấn đề nhà nước thế tục ở Việt Nam hiện nay. Một số phân tích trong luận án còn có quy dẫn lý thuyết từ các tiếp cận chính trị bản sắc, nghiên cứu nhược tiểu, nghiên cứu giới, nghiên cứu phát triển, địa lý học tôn giáo.

### **5. Đóng góp của luận án**

Luận án góp phần một mặt làm sáng tỏ vấn đề nhà nước thế tục ở Việt Nam, cả ở chiều cạnh lý luận cũng như thực tiễn; mặt khác đề xuất một mô tả cảnh quan tôn giáo Việt Nam đương đại từ quan điểm phân tích chính trị học.

Ở một mức độ khiêm tốn hơn, luận án đưa ra dự phóng về vận động tôn giáo-chính trị ở Việt Nam trong tương lai gần.

### **6. Cấu trúc của luận án**

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, luận án được cấu trúc theo 4 chương, 10 tiết.

**Chương 1**  
**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**  
**LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

Với lựa chọn đề tài *Vấn đề nhà nước thế tục ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo* cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học, trong quá trình tìm hiểu các công trình liên quan và thực hiện tổng quan điểm luận, chúng tôi tập trung sự chú ý vào các công trình khoa học đã công bố liên quan ba chủ điểm lớn, gồm: (1) Vấn đề thế tục và mô hình Nhà nước thế tục; (2) Tiến trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo ở Việt Nam với trọng tâm chú ý là những thảo luận liên quan đến thế tục và sự lựa chọn mô hình Nhà nước thế tục; và (3) Một số vấn đề về tiếp cận và phương pháp nghiên cứu nằm trong khuôn khổ các chủ điểm nói trên.

Khuôn khổ thời gian, có tính tương đối, được chúng tôi nhấn mạnh là từ *Đổi mới* 1986 ở Việt Nam, hay cụ thể hơn là từ đầu những năm 1990. Điều này phù hợp với xác định của đề tài song không có nghĩa là trước mốc điểm nói trên không có những công trình có liên quan đến đề tài luận án. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh là, bên cạnh việc suy tư khoa học có thể đặt vấn đề và đưa ra các dự báo mang tính đi trước thì mặt khác, phổ biến hơn cả vẫn là nghiên cứu của giới chuyên môn trở nên phong phú, có quan hệ tương tác và thể hiện tư duy phê phán hơn khi thực tiễn được nghiên cứu, và cụ thể hơn là các đối tượng nghiên cứu, đã trở nên rõ ràng, rành mạch, trở thành các sự kiện xã hội học, các quá trình xã hội học không ai có thể phủ nhận.

Xét về mặt địa bàn của các công trình nghiên cứu được khảo sát, chúng tôi cố gắng tiếp cận không chỉ các ấn phẩm đã được công bố ở Việt Nam, chủ yếu là của tác giả Việt Nam và về căn bản là có thể tiếp cận thuận lợi, mà còn cả các công trình của các tác giả nước ngoài và công bố ngoài Việt Nam. Với khu vực thứ hai này, sự thiếu đầy đủ là điều không thể tránh khỏi,

vì cả điều kiện địa lý - tham khảo tại thư viện của các viện nghiên cứu và viện đại học - cũng như điều kiện tài chính - kinh phí cho nguồn sách báo giấy hoặc trực tuyến.

Đối với việc đánh giá các công trình đã được công bố có liên quan đến đề tài, yếu tố nhóm nguồn và dạng tài liệu được lưu ý song không phải là trọng tâm. Bởi lẽ các điểm luận ưu tiên trước hết nội dung - tức các vấn đề, bao trùm các khía cạnh lý luận, lý thuyết và chủ điểm nghiên cứu chính liên quan đến quan hệ chính trị-tôn giáo, Nhà nước-Giáo hội nói chung và vấn đề thể tục nói riêng, cũng như các luận điểm nổi bật trong những nghiên cứu cụ thể về Việt Nam liên quan đến đề tài luận án.

Với phân định như vậy, nhóm nội dung lớn thứ nhất dường như không có liên hệ trực tiếp với đề tài luận án. Việc quan tâm tới nhóm nội dung này tuy vậy có ý nghĩa với việc thực hiện luận án của chúng tôi xét từ hai phương diện. Thứ nhất, có được một hình dung tương đối khái quát về tình hình nghiên cứu trên thế giới hiện nay, đặc biệt ở phương diện lý luận và lý thuyết. Thứ hai, từ một số nghiên cứu trường hợp, phát hiện ra những gợi ý hữu ích để quay trở lại địa bàn nghiên cứu Việt Nam.

Còn về nhóm nội dung lớn thứ hai, trực tiếp liên quan đến Việt Nam, trật tự của các nội dung được xem xét sẽ là vấn đề thể tục được nhìn nhận như thế nào; nhà nước thể tục có vị trí ra sao trong tư duy cũng như thực tiễn đổi mới về đường lối, chính sách tôn giáo, đặc biệt là sự hoàn thiện một pháp quyền tôn giáo; trong một hình dung chung về quá trình tôn giáo với những động năng của nó, có thể đánh giá như thế nào về vai trò và ảnh hưởng của các lực lượng tôn giáo đến quyền lực nhà nước...

Sau khi đã lần lượt điểm luận theo trật tự như trên, chương tổng quan này sẽ dành một phần tiểu kết đánh giá chung về những kết quả nghiên cứu đi trước cũng như xác định những gợi ý nghiên cứu mới sẽ được triển khai trong luận án, xét cả về phương diện nội dung cũng như phương pháp.

### **1.1. Một số vấn đề nghiên cứu về thế tục trên thế giới**

Trước hết cần phải có một khẳng định ngay từ đầu là nếu nói tới vấn đề thế tục và vấn đề Nhà nước thế tục - từ tiếp cận nghiên cứu chính trị học - sẽ là bất khả nếu mong đợi một tổng quan điễm luận đầy đủ. Lý do chủ yếu là vì trong ngành Chính trị học, tùy theo từng tiếp cận chuyên ngành cụ thể thì hai nội dung thế tục và Nhà nước thế tục khi được điễm luận sẽ còn tiếp tục phân hóa thành nhiều nhánh rẽ. Ví dụ, chỉ xét riêng về lý luận, có thể đi theo nhiều hướng như triết học chính trị, pháp lý-chính trị; còn nếu tiếp cận theo lối quan sát và đo lường thực tiễn thì có thể là nhân học chính trị, xã hội học chính trị, chính trị so sánh... Đó là chưa kể đến các nghiên cứu sâu tôn giáo học hay lịch sử cũng vô cùng phong phú và đa dạng.

### **1.2. Đổi mới đường lối chính sách tôn giáo và vấn đề thế tục ở Việt Nam**

Trong giới hạn hiểu biết chủ quan của chúng tôi, nếu như thực tiễn đời sống tôn giáo nói chung và quan hệ chính trị-tôn giáo nói riêng ở Việt Nam đặt ra các vấn đề có tính “nóng” cho giới nghiên cứu thì đến vấn đề thế tục và mô hình Nhà nước thế tục, những quan điễm đưa ra lại không hẳn diễn ra theo nghĩa trước hết có một sự thôi thúc có tính cấp bách từ hiện thực đời sống với nhà khoa học mà đúng hơn là từ suy tư và đặt vấn đề có tính độc lập của họ. Chính là trong quá trình tiếp xúc và giới thiệu các nghiên cứu nước ngoài mà giới chuyên môn trong nước có một nguồn gợi ý liên quan đến các chủ điễm này. Thêm vào đó, nhiều nghiên cứu phối hợp giữa giới học giả Việt Nam và quốc tế thực sự đã tạo nền móng cho một xu hướng nghiên cứu mang tính tập trung về thế tục ở Việt Nam.

### **1.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án**

Ở Việt Nam có một số lượng phong phú, nếu không nói là khổng lồ, mang tính chất mô tả về các tôn giáo, về đường lối và chính sách tôn giáo

của Đảng-Nhà nước song lại chưa có nhiều công trình mà ở đó tác giả quan tâm xác định và tường giải về những khía cạnh mang “tính vấn đề” về quan hệ chính trị-tôn giáo nói chung và thế tục nói riêng.

Liên quan chặt chẽ đặc điểm nêu trên là về phương diện lý luận, lý thuyết, có thể nói nghiên cứu Việt Nam còn có nhiều điểm mờ, xét theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Nói theo lối trực tiếp là tình trạng thiếu rõ ràng trong việc giới thiệu và sử dụng các khái niệm - công cụ thao tác vô cùng quan trọng cho quá trình suy tư và diễn giải ở nhà nghiên cứu. Còn nói theo lối ẩn dụ thì đó là tình trạng nhiều khái niệm và tiếp cận nghiên cứu quan trọng chỉ được đưa vào trường nghiên cứu Việt Nam nhờ ý chí cá nhân chứ chưa hẳn được cộng đồng học thuật quan tâm rộng rãi. Ví dụ, cho đến nay, theo thống kê còn chưa đầy đủ của chúng tôi, các thuật ngữ liên quan đến thế tục và pháp quyền tôn giáo hay chính sách công về tôn giáo ngoài Đỗ Quang Hưng và Vũ Hoàng Công là những người có công lao dẫn nhập và phổ biến thì về căn bản, gần như không có tác giả nào quan tâm xác định rõ ràng nội hàm của chúng. Gần đây, nhà nghiên cứu Hoàng Văn Chung giới thiệu một nghiên cứu có tính chất điểm luận vô cùng hữu ích “Khái quát một số thảo luận đáng chú ý hiện nay về tôn giáo trong chính sách công” (2016) song các vấn đề tôn giáo trong chính sách công được phân tích chủ yếu với các quy dẫn lý thuyết và thực tiễn ngoài Việt Nam.

Các nghiên cứu về quan hệ Nhà nước-Giáo hội chủ yếu đi theo chiều nhìn từ quyền lực chính trị chứ ít khi đi theo chiều ngược lại là từ chính động năng nội tại của các tôn giáo, các chiến lược hành động của các tôn giáo và thủ lĩnh tôn giáo, những hành động hoặc bột phát hoặc mang tính tổ chức có tính chất hệ phái/vùng do các sáng kiến địa phương. Hơn thế, đúng là có nhiều dẫn giải với các ví dụ cụ thể và cảnh báo về các “nguy cơ” đối với quyền lực chính trị từ tôn giáo song vấn đề “tính chính đáng” của quyền lực

Nhà nước trong quan hệ với thế giới tôn giáo nhìn từ phương diện chính trị học chưa được thảo luận nhiều và rõ.

Cũng như vậy, nếu có sự xem xét theo chiều quan hệ tôn giáo với chính trị, thì tôn giáo lại có xu hướng được viêt hoa, tức là dừng ở cấp độ mẫu số chung, và với hệ thống thiết chế quan phương, các thủ lĩnh tôn giáo cao cấp chú hiêm khi là các giới thực hành tôn giáo ở cấp địa phương, vùng miền hay hệ phái. Về điểm này, các tác giả nước ngoài khi nghiên cứu thực địa ở Việt Nam đã có công lao bổ khuyết rất lớn, tuy nhiên trong nghiên cứu của họ thường có đặc điểm là thái độ tư tưởng hệ mang tính tiêu cực ngay từ ban đầu, cụ thể là theo diễn đạt công khai hay ngầm ẩn, họ đã mang cái nhìn phê phán và thiếu thiện cảm đối với quyền lực chính trị ở Việt Nam, cho rằng tôn giáo ở Việt Nam chỉ đơn giản là ở thế bị áp chế và thiếu thôn tự do.

Ngoài ra, có một đặc thù đã được tác giả Đỗ Quang Hưng nhấn mạnh là quan hệ thế chân kiềng ba ngôi nhà quản lý-người tu hành-nhà khoa học song đáng tiếc là chưa được làm rõ và sâu. Cho đến nay chưa có nhiều công bố nghiên cứu chính thức nào về vai trò của nhà nghiên cứu đối với “diễn ngôn [về] tôn giáo”, ít nhất là từ phương diện quan phương, ở Việt Nam.

Từ những quan sát và nhận định nói trên, trong luận án này, chúng tôi quan tâm tới các vấn đề sau.

Thứ nhất, tiếp tục làm rõ các khái niệm cũng như xác định phương pháp nghiên cứu thích đáng cùng những gợi ý động thái nghiên cứu mà chúng đem lại.

Thứ hai, quan tâm đến các tác động của toàn cầu hóa tới quan hệ chính trị-tôn giáo ở Việt Nam cũng như tiếp tục phát huy tiếp cận quan hệ bộ ba nhà quản lý-người tu hành-nhà khoa học trong quá trình xác định và diễn giải về quá trình tôn giáo và các sự kiện xã hội học tôn giáo quan sát được.

Cuối cùng, riêng về chủ đề quan trọng của luận án là quá trình đổi mới đường lối chính sách tôn giáo của Đảng-Nhà nước - trực logic đề từ đó tập

trung nghiên cứu đề tài chính là vấn đề Nhà nước thế tục ở Việt Nam -, cùng với việc khai thác nguồn thư mục đồ sộ và có giá trị lớn của các tác giả đi trước, chúng tôi quan tâm sự phân kỳ của diễn tiến này trong khi ý thức rõ rằng, việc so sánh về mặt định lượng cũng như tiếp cận về mặt định tính thông qua tìm hiểu các nhân vật, tổ chức liên quan đến quá trình hoạch định và thảo luận ra chính sách hẳn sẽ dành cho các nỗ lực nghiên cứu tương lai.

## **Chương 2. DIỄN TIẾN ĐỔI MỚI ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**

Ngoài những đặc điểm và động năng vốn được quy định bởi bối cảnh hiện đại hóa và mở cửa, tôn giáo Việt Nam hậu đổi mới còn ở trong môi liên đới chặt chẽ với quá khứ, xa và gần, của quốc gia-dân tộc. Trước hết là lịch sử hàng ngàn năm với nhiều truyền thống tâm linh, tín ngưỡng và tục thờ cúng; sau nữa còn là một lịch sử chính trị mới đây với những trải nghiệm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trước các vấn đề tôn giáo cũng như di sản tư tưởng Hồ Chí Minh luôn được tôn vinh.

Để có thể nhận dạng vấn đề nhà nước thế tục ở Việt Nam trong một tiến trình đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo, cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn, ngoài việc tập trung vào không gian và thời gian của hiện tại, không thể bỏ qua chiều kích lịch sử, đặc biệt là bối cảnh lịch sử của vấn đề tôn giáo ở Việt Nam, bao gồm một mặt là hoàn cảnh của tôn giáo khi bước vào thời/tính hiện đại và mặt khác, đặc biệt liên quan đến mối quan tâm của chúng tôi trong luận án này, là diễn tiến vận động của đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1945 đến Đổi mới (1986).

### **2.1. Truyền thống và di sản**

Một cách tất yếu, logic của quá trình *tính hiện đại* xâm nhập xã hội Việt Nam, chủ đề luôn đặt ra nhiều thảo luận về các vấn đề thời điểm, tác nhân và đối tượng song về căn bản thì đều đạt được một đồng thuận ở sự công nhận sự kiện Việt Nam bị Pháp xâm lược và trở thành xứ thuộc địa, không bỏ qua lĩnh vực tôn giáo. Từ tính ổn định qua nhiều thế kỷ của các tôn giáo và tín ngưỡng, cả ở cấp độ đời sống quốc gia và đời sống làng xã, trường lực tôn giáo Việt Nam bước vào thời/tính hiện đại đã chứng kiến những biến chuyển vô cùng lớn lao. Bên cạnh những yếu tố quen thuộc, ở Việt Nam kể từ đầu thế kỷ XX đã hiện diện rõ nét nhiều yếu tố tôn giáo mới, cả “nhập



khẩu” lẫn “sáng tạo” nội địa, trở thành thách thức chính trị và hành chính đối với chính quyền phong kiến và thực dân. Lẽ tất yếu là ở vai trò lãnh đạo quốc gia, những người cộng sản Việt Nam không thể coi nhẹ những đặc điểm và điều kiện này.

## **2.2. Các thách thức từ đổi mới và toàn cầu hóa - Quan điểm và kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước Việt Nam**

Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt Nam (1986) đã đánh dấu khởi đầu của một tiến trình cải cách của Việt Nam dưới tên gọi *đổi mới*. Quyết định được đưa ra trong một bối cảnh đầy nguy cơ đối với sự sinh tồn của không chỉ Đảng cộng sản Việt Nam mà là của toàn thể đất nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong nước, giới lãnh đạo phải đối mặt với tình trạng ỳ trệ kinh tế kéo dài và đặc biệt là khó chịu xã hội mỗi ngày một tăng. Nhìn ra bên ngoài, các dấu hiệu thông báo sự sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa mỗi lúc một hiện rõ. Xét trong một chừng mực nhất định, có thể nói rằng Đảng và Nhà nước đã thấy mình trước một sự đặt lại vấn đề đối với vai trò cũng như tính hợp thức của mình. Trong bối cảnh mới của đời sống chính trị quốc tế hậu chiến tranh lạnh, chính quyền Việt Nam không thể xem nhẹ mọi phê phán chùng nào còn muốn nhận được hỗ trợ từ bên ngoài và huy động các nguồn lực từ cộng đồng Việt kiều. Do đó mà hồ sơ tôn giáo không còn thuần túy là vấn đề tôn giáo nữa mà đã trở thành một phần cấu thành của một chính sách phát triển kinh tế-xã hội và văn hóa tổng thể trong nước, cũng như của một chính sách đối ngoại và ngoại giao trong quan hệ với thế giới bên ngoài.

## **2.3. Đổi mới đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước**

Nhìn tổng quát, tiến trình tư duy, xây dựng và triển khai trong hiện thực các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam diễn ra theo một tuần tự quen thuộc bắt đầu với các đường hướng lớn của Đảng cộng sản Việt Nam, được diễn đạt trong các văn kiện chính thức của các kỳ đại hội

toàn quốc của Đảng, các cương lĩnh xây dựng đất nước và đặc biệt là các nghị quyết, chỉ thị... giữa các kỳ đại hội toàn quốc. Một khi đã được đề ra, các đường hướng chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam được “vật chất hóa” thành văn bản luật và chính sách của chính phủ. Nói tóm lại, ít nhất là trong lĩnh vực chính sách công, quan hệ giữa Đảng cộng sản Việt Nam – lãnh đạo duy nhất đối với quốc gia – và nhân dân không phải là một quan hệ tương tác thuần trực tiếp mà thông qua Nhà nước.

Tiến trình đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng cộng sản Việt Nam được xem là bắt đầu với sự ra đời của Nghị quyết 24-NQ/TW (Nghị quyết 24) về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới” của Bộ Chính trị khóa VI (1990). Theo diễn ngôn của Đảng, văn kiện này được xây dựng dựa trên những định hướng đề ra trong Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam (1986), các luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Văn kiện được khẳng định là thể hiện cho thái độ dũng cảm và tinh thần đổi mới của các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào mà văn bản này, không công khai, lại có thể được xem là bước ngoặt nhận thức của Đảng đối với vấn đề tôn giáo cũng như là điểm xuất phát của đổi mới tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Kể từ đó, Đảng cộng sản Việt Nam không ngừng ra các văn bản quan trọng thể hiện đường lối đổi mới tôn giáo của mình.

## **Chương 3. THỰC TẠI TÔN GIÁO VÀ CÁC CHIỀU HƯỚNG VẬN ĐỘNG**

Như một lẽ đương nhiên, nghiên cứu nhà nước thế tục và tiến trình đổi mới chính sách có đối tượng là thực tại tôn giáo. Từ tiếp thu các thành tựu nghiên cứu của các học giả, trong chương này, chúng tôi đặc biệt quan tâm hai khía cạnh: thứ nhất là hiện trạng và đặc biệt là xu hướng vận động của đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay; thứ hai là chiều hướng của quan hệ tôn giáo-chính trị, tôn giáo-nhà nước, tôn giáo-xã hội. Theo các trục quan hệ này, vấn đề đặt ra là xem xét tôn giáo có những phản ứng (khác nhau) như thế nào.

### **3.1. Một trường lực tôn giáo mới**

Mục đích đặt ra của chúng tôi ở đây không phải là trình bày lại các định hướng lớn về phát triển kinh tế-xã hội và chính sách thúc đẩy kinh tế của Nhà nước Việt Nam từ khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh là tiến trình đổi mới kinh tế của Việt Nam đã mở ra một trường hành động mới cho tôn giáo. Các định hướng lớn về kinh tế-xã hội cũng như chính sách tăng trưởng của chính phủ không còn ngờ vực gì đã thúc đẩy sự hồi sinh và phát triển của các tổ chức tôn giáo truyền thống và các tín ngưỡng dân gian. Cùng với một sự cải thiện rõ nét về mức sống, một bộ phận đáng kể cư dân càng ngày càng bị thúc đẩy bởi một nhu cầu nội tâm về tâm linh và do đó trở nên tích cực đóng góp cho các công việc phục dựng và cải tạo các cơ sở tôn giáo cũng như tổ chức các lễ hội tôn giáo tín ngưỡng. Điển hình hơn cả chính là trường hợp Phật giáo và các tục thờ cúng dân gian.

### **3.2. Sự tham gia của các tôn giáo vào đời sống xã hội**

Trong các hành động cụ thể của mình, Nhà nước Việt Nam nhiều phần dung hòa thái độ đối với các thiết chế tôn giáo. Phản ứng của các tôn giáo, nhất là những tôn giáo đã được công nhận, có thể làm cho Nhà nước hài lòng

xét trong tổng thể. Song nếu tiếp cận từng trường hợp cụ thể, tình hình không hẳn đơn giản như vậy. Với tư cách là các thiết chế đức tin song cũng là những lực lượng xã hội quan trọng, thay vì lãnh tính và không đáng kể trước chính quyền, các tôn giáo luôn tìm cách đòi hỏi các quyền, lấy lại các tài sản và bất động sản trước kia đã bị Nhà nước tịch thu, và mở rộng các lĩnh vực hoạt động và gây ảnh hưởng. Và ở cực hạn, lực lượng tôn giáo còn có thể trở thành một lực lượng chính trị chống đối, thậm chí là li khai.

### ***3.2.1. Sự đề cao tinh thần “đồng hành cùng dân tộc”***

Ở phương diện đường lối, chiến lược của từng tôn giáo, mọi tôn giáo được Nhà nước chính thức công nhận đều diễn đạt rõ ràng sự “tham gia” của mình vào thể thống nhất quốc gia-dân tộc như Đảng và Nhà nước mong đợi. Về phần mình, Đảng và Nhà nước không ngừng có các hành động nhằm tới quan hệ hòa hợp với các tôn giáo và gắn các tôn giáo vào đời sống xã hội của đất nước với công thức kết hợp “đạo với đời”. Khẩu hiệu và cũng là công thức diễn đạt chung cho sự gắn kết này là “đồng hành cùng dân tộc”.

### ***3.2.2. Yêu cầu và đòi hỏi của các tổ chức tôn giáo***

Sẽ là điều nực cười khi đặt vấn đề nghi vấn các cam kết “đồng hành cùng dân tộc” từ phía các tôn giáo trong công cuộc phát triển đất nước cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Song đồng thời lại có một thực tế không thể phủ nhận là sự tồn tại, và có thể nói là với xu hướng gia tăng, các yêu sách tôn giáo mà đôi khi một số trong đó dẫn tới những hành động vượt quá ngưỡng bao dung của quyền lực nhà nước và bị coi là “sự chống đối của các thế lực thù địch”.

Từ những thực tế nêu trên, có thể rút ra đồng thời hai nhận định về quan hệ tôn giáo-chính trị ở Việt Nam hiện nay. Hành động xã hội của các nhóm tôn giáo xét theo tiếp cận quen thuộc - tức là nhìn nhận các thiết chế tôn giáo có vị trí được đặt định một cách quan phương trong hệ thống chính trị, thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và ở tư cách các nhóm chính thức

được công nhận hay bán công nhận thì ổn. Nhưng nếu nhìn các lực lượng này từ những phương diện khác, ví dụ theo tiếp cận hành vi, định dạng bản sắc nhóm hoặc đặt động năng tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, thì có thể thấy tiềm tàng nhiều vấn đề cần được làm rõ và giải quyết.

## **Chương 4. HƯỚNG TỚI MỘT NHÀ NƯỚC THỂ TỤC KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN**

Đối với Việt Nam hậu đổi mới, sẽ còn sớm để nói về một mô hình Nhà nước thể tục mang tính chốt định. Đúng hơn thì mô hình này không ngừng được kiến tạo, cả về mặt lý luận cũng như trong thực tiễn. Một mặt đây là một tiến trình đổi mới tôn giáo trong bộ máy Đảng-Nhà nước. Mặt khác, các tôn giáo, được công nhận hay còn chưa được công nhận, càng ngày càng chứng tỏ là một động năng của xã hội dân sự, trước Đảng-Nhà nước vừa là “đối tác” vừa là chủ thể “đối thoại” thay vì đơn giản chỉ là đối tượng của một chính sách tôn giáo được áp đặt từ trên xuống như trong quá khứ. Cuối cùng, hai động năng này, của Đảng-Nhà nước cũng như của thế giới tôn giáo, luôn luôn trong quá trình tạo hình cho một khung cảnh chính trị-tôn giáo mới ở Việt Nam đương đại. Câu hỏi đặt ra là xem hai lực lượng này tham gia như thế nào vào kiến tạo Nhà nước thể tục và vai trò của mỗi lực lượng.

Nói một cách chặt chẽ, từ Sắc lệnh 234 (1955) tới Chỉ thị 01 (2005), cần một nửa thế kỷ đầy biến động để một mô hình Nhà nước thể tục Việt Nam thực sự thành hình bắt đầu triển khai trong hiện thực. Nếu không thì với một nhãn quan ít nhiều mang tính linh hoạt, có thể nói khái quát về diễn tiến của Nhà nước thể tục Việt Nam với điểm xuất phát chính là sự nghiệp đổi mới (1986) hay chính xác hơn nữa là năm 1990 với sự ra đời của Nghị quyết 24 nổi tiếng của Đảng cộng sản Việt Nam. Chính là với tiếp cận sau này mà chúng tôi cố gắng, trong chương này, nắm bắt sự đóng góp cho quá trình kiến tạo Nhà nước thể tục Việt Nam của từng chủ thể: Đảng và Nhà nước một mặt, và mặt khác là các tôn giáo.

Trước hết, chúng tôi muốn ghi nhận rằng trong sự nghiệp này của Việt Nam, còn lâu chúng ta mới chứng kiến một sự bùng nổ các quy dẫn lý luận như điều xảy ra ở nhiều nước trên thế giới, thậm chí là ngay cả ở Trung Quốc, nơi người ta có thể nói về sự tồn tại của các lý luận Trung Hoa về thể tục

[212]. Bất chấp một số lượng đáng kể các văn bản và diễn ngôn của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo sau ngày đổi mới thì lại gần như là bất khả trong việc xác định một nền móng lý luận chặt chẽ và nhất quán của chủ thể cầm quyền đối với một kiến tạo như vậy. Đóng góp của giới học giả Việt Nam trong lĩnh vực này về căn bản là công việc diễn giải các chính sách của Đảng và Nhà nước. Về phần bản thân các lực lượng tôn giáo, họ phải tập trung định hướng năng lượng trong những hành động cụ thể. Lẽ dĩ nhiên là ở chỗ này chỗ khác, luôn có những suy tư về một mô hình Nhà nước thế tục đáng gọi là của riêng Việt Nam, theo kiểu Việt Nam song ngay cả trong trường hợp này thì một đồng thuận hầy còn chưa được rút ra để có thể từ đó khẳng định rằng ở Việt Nam đã tồn tại đích thực một quy chiếu như vậy.

Cùng với điểm xuất phát là một Nhà nước thế tục Việt Nam trong quá trình thành hình mà sự phát triển thể chế và nền tảng lý luận đi cùng, chúng tôi tìm cách tri nhận trước hết là diễn giải về diễn tiến này của mỗi một chủ thể liên quan. Tiếp sau đó chúng tôi tìm cách hiểu làm thế nào mà giữa những chủ thể về căn bản tồn tại một mẫu số chung là thái độ “tán đồng” diễn tiến Nhà nước thế tục Việt Nam này.

#### **4.1. Tiến trình hoàn thiện Nhà nước thế tục ở Việt Nam**

Vào thời điểm hiện tại, Nhà nước Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để tự hào đã giữ đất nước trong ổn định. Nhà nước đã thành công trong việc giải quyết các bạo loạn chính trị bắt nguồn phần nào từ tôn giáo. Đồng thời, bất chấp các xung đột và đối đầu do một số nhóm tôn giáo gây ra thì Nhà nước lãnh đạo và quản lý hiệu quả tôn giáo ở Việt Nam theo logic phát triển “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Niềm tự hào này còn có cơ sở vững chắc hơn nữa chính là sự thay đổi của một bức tranh tôn giáo toàn cảnh mỗi ngày một đa dạng phong phú và việc quyền lực nhà nước dành vị trí cho các chủ thể tôn giáo mới (tôn giáo và tổ chức tôn giáo mới

được công nhận). Tuy nhiên, nếu nhìn gần hơn thì hoàn cảnh có vẻ cho thấy từ thiện ý tới hành động hiệu quả có một khoảng cách. Trong khi có thể nói diễn tiến Nhà nước thế tục có một cơ sở hạ tầng pháp lý, xét về mặt hình thức, càng ngày càng hoàn thiện và chặt chẽ, đặc biệt với việc áp dụng Luật tôn giáo, tín ngưỡng từ đầu năm 2018, thì còn những khoảng trống nhất định về lý luận cũng như vấn đề tồn tại ở các cán bộ tôn giáo nói riêng và đại diện quyền lực nhà nước nói chung – những chủ thể tác hành được mong đợi có năng lực và hành động hiệu quả. Nhiều yếu tố, sự kiện và tình huống có thể được viện dẫn để chứng tỏ cho điều này.

#### **4.2. Vai trò của các chủ thể**

Trong khi đối với Đảng và Nhà nước, diễn tiến nhà nước thế tục đặt ra như là một tất yếu thì các chủ thể tôn giáo hầu hết có thái độ cởi mở, tán đồng, thậm chí là tán tụng tiến trình này. Do đó, có thể nói tới một tiến trình kép của Nhà nước thế tục, theo nghĩa mỗi bên liên quan tìm kiếm khai thác sao cho có lợi nhất cho mình.

Kể từ đây, hành động của Nhà nước cần phải tập trung vào một chương trình mang tính tổng thể hơn, đó là xây dựng và hoàn thiện một Nhà nước pháp quyền với các đặc trưng Việt Nam - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân. Một sự minh bạch về thể chế không chỉ đơn giản là đáp ứng của Việt Nam đối với các điều kiện bắt buộc từ phía các đối tác trong quá trình thương lượng trong khuôn khổ hợp tác quốc tế. Điều này còn là bằng chứng để bác bỏ mọi dạng cáo buộc cho rằng chế độ mang tính chuyên quyền, hay thậm chí là toàn trị. Cũng cần phải ghi nhận rằng, một Nhà nước pháp quyền mạnh đồng nghĩa với một sự giảm bớt tình trạng tham nhũng cũng như thái quá về chính trị-hành chính vốn hiện là những yếu tố thường được các lực lượng tôn giáo đối lập sử dụng để chống lại chính quyền.



Về phía mình, các tôn giáo có những trải nghiệm sinh động khác nhau đối với tiến trình này. Một mặt, các chủ thể tôn giáo được công nhận ngày càng trở nên mạnh nhờ vào đời mới tôn giáo luôn khát khao một không gian mở rộng hơn nữa cho sự tồn tại và phát triển của họ. Do đó họ không ngừng trang bị các chiến lược hành động mới. Họ mặt khác đã tìm ra một nguồn củng cố sức mạnh từ động năng toàn cầu hóa. Đồng thời, họ cũng hiểu rằng xuất phát điểm cho một tác hành như vậy chính là một khuôn khổ pháp lý đầy đủ và rõ ràng. Đối với các chủ thể tôn giáo hã còn chưa được công nhận, một số mang thái độ bài xích và chống đối vô điều kiện, ví dụ Giáo hội Phật giáo thống nhất Việt Nam, thái độ thù nghịch đối với quyền lực nhà nước rõ ràng là không hề che đậy. Hoàn cảnh này khiến cho giáo hội tự xưng này, xét ở một chừng mực nhất định, là một trở ngại cho sự phát triển của Nhà nước thế tục Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Với sự nghiệp đổi mới được triển khai từ 1986, Việt Nam trong các thập kỷ vừa qua đã đạt được một sự phát triển kinh tế ngoạn mục trong khi vẫn đảm bảo duy trì ổn định chính trị-xã hội. Trong tiến trình vận động này, đất nước đã trải qua không ít những thách thức lớn, trong đó có tôn giáo – một lĩnh vực luôn trong biến động và càng ngày càng trở nên đa dạng.

Diện mạo hậu-Đổi mới đã làm biến đổi đáng kể vòng ảnh hưởng cũng như động năng của các tôn giáo và cả tác động của chúng đối với đời sống chính trị-xã hội quốc gia. Không chỉ xã hội Việt Nam trải nghiệm một phần “sắp xếp tôn giáo” [bricolage religieux] và một sự tái phát minh các truyền thống mà hơn nữa, đất nước kể từ đây còn gia nhập chiều kích siêu hiện đại tôn giáo đương đại theo nghĩa là bổ sung vào các quy chiếu truyền thống, một lãnh thổ quốc gia và một di sản văn hóa dân tộc chung còn có một mẫu số chung xuyên quốc gia mang tính biểu trưng, đó là chia sẻ một đức tin và/hoặc sự quy thuộc về một bản sắc dân tộc/sắc tộc riêng.

Đối với các tôn giáo, dù là đã được công nhận chính thức hay chưa, hợp pháp hay bất hợp pháp, hợp tác hay thù địch trong con mắt của quyền lực nhà nước, các tôn giáo đều hưởng lợi từ bối cảnh mới mẻ hậu đổi mới cũng như những động năng của tiến trình toàn cầu hóa để có thể tự mình phát triển. Chính là theo đường diễn tiến này mà các tôn giáo tham gia vào một sự sắp xếp lại quan hệ tôn giáo-Nhà nước nói riêng và sự tái cấu hình bản đồ tôn giáo Việt Nam nói chung theo nhịp vận động của các tôn giáo đã có từ lâu, của nhiều phong trào tôn giáo mới và của một quan hệ tương tác gia tăng với thế giới bên ngoài. Mặt khác, cũng cần phải ghi nhận sự hiện diện và vai trò ngày một gia tăng của các NGO quốc tế hoạt động trong lĩnh vực nhân đạo và mang một truyền thống đức tin, vốn làm nên một nguồn quyền lực phi-nhà nước mà chính quyền Việt Nam không thể coi nhẹ hay phớt lờ. Một

cách ngắn gọn, có thể nói rằng tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh đổi mới đã bắt đầu theo logic của toàn cầu hóa tôn giáo. Thêm vào đó, đúng là xã hội dân sự Việt Nam vẫn còn đang trong trạng thái chập chững, vẫn chưa mang cấu trúc đầy đủ để có thể khẳng định tiếng nói của mình, song chí ít thì đây cũng đủ là một lực lượng gây áp lực không thể phủ nhận đối với quyền lực nhà nước Việt Nam.

Về phần Đảng và Nhà nước Việt Nam, kiến tạo một Nhà nước thế tục là một nhiệm vụ phức tạp bởi lẽ khi thực hiện điều này, cần phải đảm bảo duy trì được vai trò lãnh đạo đất nước đối với cư dân cũng như trước cộng đồng quốc tế. Sự nghiệp này không phải là dễ dàng gì. Kể từ đây, chính quyền Việt Nam cần phải chú ý tới diễn ngôn chính trị của mình về tôn giáo. Chính quyền không còn có thể chỉ dựa vào một lý luận mác-xít chính thống coi nhẹ tôn giáo. Mà ngược lại, chính quyền phải công nhận các hiện thực tôn giáo đa dạng phong phú cũng như phải quan tâm điều chỉnh một phần diễn ngôn về bản sắc dân tộc trước một tính phong phú đa dạng về sắc tộc và văn hóa không ngừng biểu lộ. Mặt khác, chính quyền cũng cần phải điều chỉnh các chính sách cũng như bộ máy quản lý tôn giáo để có thể nắm bắt được diễn tiến mau lẹ và phức tạp của tôn giáo, điều đôi khi dẫn tới những hình thức thái quá của các biểu đạt tôn giáo. Đồng thời, chính quyền cũng không thể lơ là sự nghiệp xây dựng một Nhà nước pháp quyền, là kiến tạo mà đến lượt nó lại là điều kiện hàng đầu cho sự hiện thực hóa một Nhà nước thế tục Việt Nam. Hơn nữa, dưới tác động của hội nhập quốc tế của đất nước, chính quyền còn phải đối mặt những mệnh lệnh “quản trị tốt” cũng như các chủ thể của “xã hội dân sự”. Cũng phải nói thêm là trong một ngữ cảnh toàn cầu hóa, Đảng và Nhà nước Việt Nam dĩ nhiên cần chú trọng đầu tư để sao có thể nắm bắt những chiều kích mới của các biểu hiện của tôn giáo. Có thể nói, khả năng lựa chọn này sẽ mở ra cho Việt Nam một khả năng hiện thực trong

việc hội nhập các tôn giáo vào hòa tấu chung bởi lẽ nó đem lại biện pháp cũng như hứa hẹn cụ thể và thực tế, thu hút được các tầng lớp nhân dân trong đó có các tín đồ, như các giá trị được chia sẻ, quản trị trách nhiệm, quy chế, tôn trọng... là những yếu tố làm nên nền móng vững chắc của an ninh bền vững. Thêm vào đó, cho dù thừa nhận những tác động tồi tệ và mang tính đe dọa của toàn cầu hóa thì có vẻ như chính quyền vẫn chưa thực sự nắm bắt hiệu quả các động năng xuyên quốc gia không chỉ của tôn giáo mà còn là của văn hóa và đặc biệt là chính trị.

Để kết luận, có thể nói rằng nếu Việt Nam không chú ý thì Nhà nước có thể phải đối mặt nguy cơ trở thành một nhà nước bị tranh chấp cả từ bên trong lẫn bên ngoài, điều hãn sẽ dẫn tới mối nguy đối với sự sinh tồn của Đảng và Nhà nước và gây bất ổn định cho đất nước. Con đường đã được mở, giờ đây có vẻ như khả năng duy nhất là tiếp tục chỉ huy tiến trình kiến tạo một Nhà nước thế tục Việt Nam trong khuôn khổ rộng lớn hơn là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà ở đó các luật chơi ngày càng trở nên minh bạch.